

# **Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (AUS4REFORM)**

## **ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

### **Chuyên gia tư vấn trong nước nghiên cứu về**

### **Thực hiện hiệu quả Hiệp định CPTPP trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế: Yêu cầu hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực cho doanh nghiệp Việt Nam**

#### **1. Tổng quan về Dự án**

Chương trình “Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam” (Chương trình Aus4Reform) nhằm hỗ trợ các cơ quan Việt Nam thúc đẩy năng suất lao động và năng lực cạnh tranh tại Việt Nam. Chương trình hỗ trợ việc xây dựng các chính sách, pháp luật, thể chế có chất lượng thông qua tham vấn, truyền thông và củng cố các cơ sở bằng chứng cho các chính sách kinh tế trên cơ sở học tập kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là kinh nghiệm của Ôt-xtrây-li-a.

Các kết quả dự kiến của Chương trình (vào cuối năm 2020) bao gồm:

- a. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và công bằng hơn, hướng tới mục tiêu có ít nhất một triệu doanh nghiệp tư nhân vào năm 2020;
- b. Hình thành và phát triển các thị trường sản phẩm và thị trường các nhân tố sản xuất mang tính cạnh tranh và minh bạch hơn;
- c. Xây dựng hệ thống thể chế, luật pháp về cạnh tranh công bằng và mạnh hơn, kiểm soát có hiệu quả độc quyền, thống lĩnh trong kinh doanh;
- d. Đẩy nhanh tái cơ cấu nông thôn, hướng tới mục tiêu nâng cao năng suất lao động ở khu vực nông thôn;
- e. Thúc đẩy trao quyền kinh tế cho phụ nữ, giảm khoảng cách về giới trong năng suất lao động và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng năng suất.

Chương trình gồm 5 câu phần, bao gồm:

Câu phần 1: Hoàn thiện khung khổ pháp luật về môi trường kinh doanh, hình thành và phát triển đồng bộ thị trường các nhân tố sản xuất

Câu phần 2: Tăng cường các thể chế cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng

Câu phần 3: Tái cơ cấu kinh tế nông thôn

Câu phần 4: Tăng cường tiếng nói của doanh nghiệp trong giám sát thực hiện quá trình tái cơ cấu kinh tế

Câu phần 5: Quỹ linh hoạt nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan tới năng lực cạnh tranh.

## **2. Bối cảnh hoạt động và mục tiêu**

### **2.1. Bối cảnh**

Hội nhập kinh tế sâu rộng và thúc đẩy tự do hóa thương mại và đầu tư là một trong những trụ cột đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Hiệp định CPTPP được xem là được xem là một trong các hiệp định FTA quan trọng nhất trong thế kỷ 21 với nội dung rộng hơn, các cam kết sâu hơn và đề cập tới nhiều vấn đề mới. Các nghiên cứu cho thấy Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ CPTPP, dù mức độ hưởng lợi thấp hơn so với Hiệp định TPP. Khi Hiệp định CPTPP được thực thi, lợi ích của Việt Nam có thể tăng lên, phụ thuộc vào: (i) số lượng thành viên mới tham gia hiệp định (có thể bao gồm cả Mỹ); và (ii) phạm vi và mức độ cải cách cơ cấu tại Việt Nam.

Cải cách cơ cấu đã được đẩy mạnh tại Việt Nam, đặc biệt từ năm 2014, tập trung vào cả cải cách nền tảng kinh tế vi mô và vĩ mô nhằm nâng cao hiệu quả thị trường. Môi trường kinh doanh có nhiều chuyển biến tích cực, trong đó khu vực tư nhân là xương sống của nền kinh tế. Tuy nhiên, khung khổ thể chế và pháp lý của nền kinh tế thị trường tại Việt Nam vẫn chưa đầy đủ và chưa hoàn thiện, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nói chung và của doanh nghiệp nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế nhằm tận dụng hiệu quả cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại, phản ánh qua khả năng tận dụng các ưu đãi từ FTA của doanh nghiệp Việt Nam còn thấp, doanh nghiệp Việt Nam vẫn chủ yếu tham gia vào các công đoạn thấp trong các chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu. Trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 và tác động sâu rộng của CMCN 4.0 tới các hoạt động kinh tế, thách thức đối với quá trình tái cơ cấu kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ gia tăng.

Hiệp định CPTPP bắt đầu có hiệu lực từ 14/01/2019, dự kiến sẽ tạo thêm xung lực mới cho phát triển thương mại và đầu tư, đẩy mạnh hơn nữa cải cách kinh tế tại Việt Nam. Trong bối cảnh đó, cần nhanh chóng thực hiện một nghiên cứu toàn diện, xác định những yêu cầu nhằm thực thi hiệu quả Hiệp định CPTPP trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; xác định những thách thức đối với cộng đồng doanh nghiệp và sự chuẩn bị của Việt Nam cho thực thi Hiệp định CPTPP, cả ở cấp vĩ mô và vi mô. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đề xuất các kiến nghị chính sách trung và dài hạn nhằm nâng cao hiệu

quả thực thi Hiệp định CPTPP ở cấp quốc gia, ngành/lĩnh vực và doanh nghiệp, tập trung vào các yêu cầu cải cách thể chế và nâng cao năng lực cho doanh nghiệp.

## **2.2. Mục tiêu**

*Mục tiêu chung:* Đề xuất hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực cho doanh nghiệp Việt Nam, thực hiện hiệu quả Hiệp định CPTPP trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

*Mục tiêu cụ thể:*

- Đánh giá tổng quan tình hình KTXH của Việt Nam, mức độ chuẩn bị thực hiện Hiệp định CPTPP (ở cấp quốc gia, ngành/lĩnh vực và doanh nghiệp);

- Xác định cơ hội và thách thức đối với cộng đồng doanh nghiệp và chính phủ nhằm thực hiện hiệu quả Hiệp định CPTPP;

- Phân tích các rào cản và hạn chế của thể chế thương mại và đầu tư; khung khổ pháp lý hiện hành cản trở khả năng phản ứng/sự chuẩn bị của Việt Nam nhằm đáp ứng các yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế và thực thi hiệu quả Hiệp định CPTPP trong ngắn hạn và trung hạn

- Đề xuất chính sách về thúc đẩy cải cách cơ cấu và hoàn thiện thể chế, tăng cường năng lực cho doanh nghiệp nhằm thực thi hiệu quả Hiệp định CPTPP, bao gồm các chính sách kinh tế vĩ mô (chính sách tiền tệ, tài khóa, thương mại, v.v.); chính sách an sinh xã hội ; chính sách hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp về định hướng cải cách.

## **3. Phương pháp và thời gian thực hiện:**

Tuyển dụng bảy (07) chuyên gia tư vấn trong nước: 04 chuyên gia tư vấn và 03 chuyên gia tư vấn cao cấp.

(1) 01 Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm thực hiện nhiệm vụ Thu thập, xử lý số liệu, tính toán các chỉ số đánh giá tác động của CPTPP tới nền kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô.

- Thời gian 18 ngày làm việc

- Báo cáo nộp trước ngày 15 tháng 7 năm 2019.

(2) 01 Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm thực hiện “Báo cáo rà soát khung khổ pháp lý trong nước nhằm thực thi Hiệp định CPTPP”, gồm các nội dung: (i) Rà soát tính tương thích của khung khổ pháp lý hiện hành của Việt Nam so với các yêu cầu của Hiệp định CPTPP; (ii) các yêu cầu sửa đổi, hoàn thiện khung khổ pháp lý hiện hành nhằm thực hiện Hiệp định CPTPP.

- Thời gian 19 ngày làm việc

- Báo cáo nộp trước ngày 15 tháng 7 năm 2019.

(3) 01 Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm thực hiện Báo cáo “Tổng quan các hiệp định thương mại tự do Việt Nam đã ký kết và đang đàm phán”, gồm các nội dung: (i) Tóm tắt các nội dung cam kết chính của các Hiệp định; (ii) đánh giá mức độ cam kết của Việt Nam, có so sánh giữa một số Hiệp định đã ký kết và đang đàm phán; và (iii) đánh giá những thách thức chính đối với Việt Nam.”.

- Thời gian 19 ngày làm việc

- Báo cáo nộp trước ngày 15 tháng 7 năm 2019.

(4) 01 Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm thực hiện Báo cáo “Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của Việt Nam trong thực thi các FTAs/CPTPP”.

- Thời gian 19 ngày làm việc

- Báo cáo nộp trước ngày 15 tháng 7 năm 2019.

(5) 01 Chuyên gia cao cấp đảm nhiệm thực hiện “Báo cáo Tổng quan tình hình KTXH của Việt Nam trước khi thực hiện CPTPP”, bao gồm các nội dung: (i) tăng trưởng, cơ cấu GDP, cơ cấu xuất nhập khẩu (theo đối tác, theo hàm lượng công nghệ, các chỉ số thương mại) ; (ii) dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; (iii) và kết quả cải thiện môi trường đầu tư – kinh doanh; (iv) năng suất lao động ; (iv) môi trường - xã hội (đặc biệt là vấn đề lao động). Nội dung phân tích có so sánh quốc tế, hàm ý những chuyển biến tình hình kinh tế xã hội, môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam trong thời gian qua (2007-2018), những tồn tại và hạn chế.

- Thời gian 20 ngày làm việc

- Báo cáo nộp trước ngày 15 tháng 8 năm 2019

(6) 01 Chuyên gia cao cấp đảm nhiệm thực hiện “Đánh giá chất lượng thể chế kinh tế của Việt Nam so với các nước CPTPP”, bao gồm các nội dung: (i) Đánh giá chất lượng thể chế kinh tế của Việt Nam so với các nước CPTPP (theo Doing Business, Worldwide Governance Indicators, v.v.); (ii) Hàm ý với Việt Nam: (1) Cải cách thể chế đối với Việt Nam; (2) Khả năng học hỏi/tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ các đối tác trong quá trình thực thi CPTPP; (3) Các nội dung cam kết có thể giúp cải thiện các vấn đề/chênh lệch của Việt Nam

- Thời gian 20 ngày làm việc

- Báo cáo nộp trước ngày 15 tháng 8 năm 2019

(7) 01 Chuyên gia cao cấp đảm nhiệm thực hiện báo cáo “Mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp đối với CPTPP”, bao gồm các nội dung: (i) Nhận thức, hiểu biết của doanh nghiệp về CPTPP nói riêng và các FTA nói chung về hàng rào kỹ thuật và các biện pháp phi thuế quan ở các thị trường CPTPP; (ii) Khả năng tận dụng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu vào các thị trường CPTPP: nhìn nhận mức độ khó/dễ của quy tắc xuất xứ trong CPTPP so với các hiệp định khác và so với khả năng của doanh nghiệp; (iii) Khả năng tham gia các chuỗi giá trị của doanh nghiệp Việt Nam (thực phẩm, gỗ, điện tử).

- Thời gian 20 ngày làm việc

- Báo cáo nộp trước ngày 15 tháng 8 năm 2019

#### **4. Chỉ dẫn**

- Tất cả các báo cáo phải được nộp cho Văn phòng Dự án Hỗ trợ tái cải cách kinh tế Việt Nam dưới cả hai hình thức bản cứng (hard-copy) và bản mềm (soft-copy) theo định dạng PDF hoặc WORD.

- Các chuyên gia tư vấn sẽ chịu trách nhiệm trước Giám đốc Dự án Dự án: Hỗ trợ tái cơ cấu kinh tế nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam. Ban quản lý Dự án sẽ hỗ trợ chuyên gia tư vấn.

- Việc sử dụng các tài liệu, kết quả nghiên cứu cho các mục đích khác không thuộc phạm vi hoạt động cần được sự chấp thuận bằng văn bản của Dự án.

#### **5. Yêu cầu đối với chuyên gia tư vấn trong nước**

##### **5.1. Đối với Chuyên gia tư vấn**

Chuyên gia cần:

- Tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học và có kinh nghiệm trên 05 năm trong lĩnh vực kinh tế hoặc quản lý kinh tế.

- Có kiến thức về phân tích và nghiên cứu chính sách kinh tế và hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước.

- Có khả năng sử dụng ít nhất một ngoại ngữ thông dụng để tra cứu, tham khảo tài liệu nước ngoài.

Chuyên gia chịu trách nhiệm:

- Xây dựng Báo cáo theo yêu cầu về nội dung, chất lượng và thời hạn được nêu trong TOR.

- Tham vấn với CIEM và các cơ quan liên quan, các chuyên gia (nếu có).

## **5.2. Chuyên gia tư vấn cao cấp**

Chuyên gia cần:

- Tốt nghiệp thạc sỹ trở lên và có kinh nghiệm trên 10 năm trong lĩnh vực kinh tế hoặc quản lý kinh tế.
- Có kiến thức về phân tích và nghiên cứu chính sách kinh tế.
- Am hiểu pháp luật về kinh doanh ở Việt Nam, đặc biệt là pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, trong đó có vấn đề liên quan đến quản lý, giám sát hiệu quả sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp,
- Có khả năng sử dụng ít nhất một ngoại ngữ thông dụng để tra cứu, tham khảo tài liệu nước ngoài.

Chuyên gia chịu trách nhiệm:

- Xây dựng các Dự thảo báo cáo theo yêu cầu về nội dung, chất lượng và thời hạn được nêu trong TOR.
- Phối hợp và sử dụng báo cáo trung gian của các chuyên gia trong nước, tham vấn với CIEM và các cơ quan liên quan, các chuyên gia (nếu có).
- Tiếp thu các ý kiến góp ý và hoàn thiện báo cáo.
- Tư vấn cho CIEM về một số vấn đề liên quan

## **5.3. Hồ sơ yêu cầu đối với chuyên gia tư vấn trong nước**

- Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn;
- Chi tiết liên hệ của chuyên gia tư vấn.